TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 581/2023/KDTM-PT
Ngày: 12/5/2023
Về việc tranh chấp hợp đồng gia công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Thẩm phán: Bà Hà Thanh Thủy

Ông Ngô Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 3, 18 tháng 4 và 12 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng gia công".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1017/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3809/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4518/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty NC

Trụ sở: 1/4 TTN 13, Phường TTN, Quận QW, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1971; địa chỉ: 406/41 CH, Phường QE, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh**.**

2. Bị đơn: Công ty HT

Trụ sở: 8/5/3 NVQ, Khu phố W, phường GGHT, Quận QW, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Th, sinh năm 1977; địa chỉ: 1180/25/13 QT, Phường I, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977, địa chỉ: 406/41 CH, Phường QE, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thanh P, địa chỉ: 406/41 CH, Phường QE, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2022)

4. Người kháng cáo: Công ty HT.

(Tất cả đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

** Nguyên đơn Công ty NC trình bày:*

Công ty NC (sau đây gọi tắt là Công ty NC) và Công ty HT (sau đây gọi tắt là Công ty HT) có ký kết ba hợp đồng may gia công số 07/2022GC/N.C-H.T ngày 03/01/2022; hợp đồng số 18/2022GC/N.C-H.T ngày 08/01/2022 và hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày 15/01/2022. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng này, mặc dù nguyên đơn đã thực hiện đúng thỏa T theo các hợp đồng các bên đã ký kết, nhưng Công ty HT đã vi phạm nhiều điều khoản hợp đồng dẫn đến nhiều thiệt hại cho Công ty NC, cụ thể:

Mã hàng 9171755, ngày giao hàng theo hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T là 10/3/2022. Ngày 17/3/2022, Công ty HT đề nghị chúng tôi dời ngày giao hàng đến 30/3/2022. Đến 30/3/2022, Công ty HT đã không giao hàng như đã cam kết. Công ty NC đã thương lượng với khách dời ngày xuất đến 09/4/2022 cho Công ty HT. Tuy nhiên, đến ngày 09/4/2022, Công ty HT vẫn không giao lô hàng này. Đến ngày 12/4/2022, Công ty HT mới giao lô hàng cho Công ty NC. Do sự trễ hạn trong việc giao nhận hàng hóa, Công ty NC đã bị khách hàng đối tác phạt số tiền là 5.306,70 USD, tương đương 123.274.641 VNĐ (theo tỷ giá chuyển khoản ngân hàng ngoại thương Việt Nam ngày 06/7/2022 là 23.230 VNĐ/USD). Đây là số tiền chênh lệch giữa cước phí máy bay xuất nhanh để kịp giao hàng cho khách do Công ty HT giao trễ so với cước phí xuất máy bay bình thường nếu Công ty HT giao vào 09/4/2022.

Các mã hàng 26Z0149NYI và 26Z508JCXI, ngày giao theo hợp đồng 18/2022GC/N.C-H.T và 27/2022GC/N.C-H.T là ngày 15/3/2022. Tuy nhiên, đến 20/4/2022, Công ty HT mới hoàn tất và giao số lượng còn lại là 2.346 áo mã 26Z0149NYI và 1.578 áo mã 26Z508JCXI cho Công ty NC. Sau khi kiểm tra chất lượng hàng, Công ty NC đã loại ra một số hàng không đạt chất lượng và thực tế xuất được cho khách là 2.337 áo mã 26Z0149NYI và 1.576 áo mã 26Z508JCXI. Do ngày giao đã quá trễ, Công ty NC phải xuất hàng bằng máy bay để kịp giao cho khách hàng. Cước phí xuất máy bay lô hàng này là 165.267.540 đồng theo hoá đơn số 99 ngày 25/4/2022 của công ty AK CARGO.

Mã hàng 91713521, số lượng thực tế sản xuất là 3.250 áo, thuộc hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T, ngày giao hàng theo hợp đồng là 30/3/2022 nhưng Công ty HT không giao hàng đúng hạn. Sau nhiều lần Công ty NC xin khách dời

ngày giao hàng và được khách chấp T ngày giao đến 23/4/2022. Tuy nhiên, đến ngày 23/4/2022, Công ty HT vẫn không giao hàng cho Công ty NC, đến ngày 29/4/2022 Công ty HT mới giao lô hàng. Qua kiểm tra chất lượng hàng, Công ty NC phát hiện hàng không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu về khâu ủi và hàng khác màu (nhiều ánh màu) trên cùng một sản phẩm. Sau khi Công ty NC tiến hành tái chế ủi, số lượng hàng đạt để xuất khẩu là 1.858/3.250 sản phẩm, số lượng hàng không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu là 1392/3.250 sản phẩm. Sau khi đàm phán với khách, mức giảm giá họ đề nghị là 3,00 USD/sản phẩm cho số lượng áo khác màu, đồng thời Công ty NC phải trả cước phí máy bay cho số lượng hàng 1.392 sản phẩm này. Ngoài ra, do ngày giao hàng quá trễ, mức phạt do hàng giao trễ là 2,00 USD/sản phẩm cho toàn bộ đơn hàng. Thiệt hại của Công ty HT gây ra cho Công ty NC đối với mã hàng 91713521 có các phát sinh sau: Giảm giá do hàng khác màu: 1.392 x 3,00 USD = 4.176 USD, tương đương với 97.008.480 VNĐ; Phạt giao hàng trễ hạn: 3.250 x 2,00 USD = 6.500 USD, tương đương với 150.995.000 VNĐ; Chi phí giao hàng bằng máy bay, trọng lượng cả bì cho số 1.392 áo là 525,30 kg, cước phí là 6,90 USD/kg: 525,30 x 6,90 = 3.624,57 USD, tương đương với 84.198.761 VNĐ. Tổng cộng là 332.202.241 VNĐ (theo tỷ giá chuyển khoản ngân hàng ngoại thương Việt Nam ngày 06/7/2022 là 23.230 VNĐ/USD).

Tại biên bản hòa giải ngày 19/10/2022, Công ty NC rút một phần yêu cầu bồi thường ngoài hợp đồng do giảm doanh thu số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Đồng thời Công ty NC cũng tự nguyện cấn trừ số tiền Công ty NC còn thiếu của bị đơn Công ty HT là 290.000.000 (Hai trăm chín mươi triệu) đồng. Tổng số tiền Công ty NC yêu cầu Công ty HT phải bồi thường là: 620.744.422 đồng - 290.000.000 đồng = 330.744.422 (Ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng.

Tại phiên Tòa, Công ty NC yêu cầu Tòa án giải quyết: Chấm dứt ba hợp đồng may gia công số 07/2022GC/N.C-H.T ngày 03/01/2022; hợp đồng số 18/2022GC/N.C-H.T ngày 08/01/2022 và hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày 15/01/2022; Buộc Công ty HT bồi thường cho Công ty NC 03 (ba) khoản (1+2+3) nêu trên với tổng số tiền là 330.744.422 (Ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng.

** Bị đơn Công ty HT trình bày:*

Bị đơn không đồng ý toàn bộ với yêu cầu của nguyên đơn, bởi vì:

Đối với mã hàng 9171755, ngày giao hàng theo hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày ký 15/01/2022 là ngày 10/3/2022, bị đơn xác định có giao trễ cho nguyên đơn so với hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T, ngày giao thực tế là ngày 12/4/2022. Tuy nhiên, do ngày bị đơn nhận nguyên phụ liệu trễ hơn ngày ghi trong hợp đồng nên bị đơn không thể hoàn thành giao sản phẩm đúng ngày ghi trong hợp đồng.

Đối với các mã hàng 26Z0149NYI và 26Z508JCXI, ngày giao hàng theo hợp đồng 18/2022GC/N.C-H.T và 27/2022GC/N.C-H.T ngày ký 15/01/2022 là ngày 15/3/2022, bị đơn xác định có giao trễ cho nguyên đơn so với hợp đồng

ngày giao thực tế là ngày 20/4/2022. Tuy nhiên, do ngày nguyên đơn giao trễ nguyên phụ liệu đối với lô hàng 2.337 áo mã 26Z0149NYI và 1.576 áo mã 26Z508JCXI là 41 ngày nên bị đơn Công ty HT không thể hoàn thành giao sản phẩm đúng ngày ghi trong hợp đồng.

Đối với các mã hàng 91713521, số lượng thực tế sản xuất là 3.250 áo, thuộc hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày ký 15/01/2022, ngày giao hàng hóa là ngày 30/3/2022, bị đơn xác định có giao trễ cho nguyên đơn so với hợp đồng, ngày giao thực tế là ngày 28/4/2022. Tuy nhiên, do ngày nguyên đơn giao trễ nguyên phụ liệu đối với lô hàng mã hàng 91713521 là 20 ngày nên bị đơn Công ty HT không thể hoàn thành giao sản phẩm đúng ngày ghi trong hợp đồng. Sản phẩm áo giao cho nguyên đơn có khác màu là do vải đầu vào nguyên đơn giao cho Công ty HT chứ không phải lỗi do Công ty HT. Về giao trễ thời hạn vào ngày 28/4/2022, ngày 14/4/2022 bị đơn Công ty HT có làm việc với nguyên đơn – đại diện là bà Nguyễn Thị Đ để xin gia hạn đến ngày 27/4/2022, bà Đ nói là xin ý kiến khách hàng, nếu họ đồng ý cho xuất lô hàng này nguyên đơn sẽ thanh toán dứt Đ công nợ còn lại cho bị đơn, do đó đến ngày 28/4/2022 bị đơn Công ty HT mới giao hàng hóa cho nguyên đơn. Tại biên bản hòa giải ngày 19/10/2022 bị đơn và nguyên đơn thống nhất làm tròn số tiền Công ty NC còn nợ của Công ty HT là 290.000.000 (Hai trăm chín mươi triệu) đồng. Do phía nguyên đơn tự nguyện cấn trừ số tiền nguyên đơn còn thiếu bị đơn là 290.000.000 đồng, nên bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về số tiền này. Về tỷ giá quy đổi từ đồng USD sang tiền VNĐ do phía nguyên đơn Công ty NC đưa ra, bị đơn Công ty HT hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Ngày 17/3/2022, ông Lê Thanh T là Giám đốc Công ty HT có liên hệ với bà để xác nhận ngày giao hàng các mã có liên quan lần lượt như sau: Mã hàng 9171755, ông T xác nhận ngày giao hàng là 25/3/2022; Các mã hàng 26Z0149NYI và 26Z508JCXI, ông T xác nhận giao hàng ngày 24/3/2022; Mã hàng 91713521, ông T xác nhận giao hàng ngày 28/3/2022; Bà Đ trả lời bằng email cho ông T vào ngày 18/3/2022 với nội dung là nguyên đơn Công ty NC sẽ liên hệ với khách hàng xin lùi ngày theo yêu cầu của ông T. Nếu ông T giao hàng đúng ngày đã gia hạn thì sẽ không xảy ra bất kỳ thiệt hại nào. Nhưng thực tế phía bị đơn Công ty HT đã giao hàng trễ hạn. Bà Đ yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty NC, chấm dứt các hợp đồng gia công số 07/2022GC/N.C-H.T ngày 03/01/2022; hợp đồng số 18/2022GC/N.C-H.T ngày 08/01/2022 và hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày 15/01/2022 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty NC với bị đơn Công ty HT; Công ty HT phải bồi thường cho Công ty NC số tiền còn lại là 330.744.422

(Ba trăm ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty NC cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty HT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Công ty NC về bồi thường thiệt hại do sụt giảm doanh số đối với số tiền 500.000.000 đồng;

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/11/2022, bị đơn Công ty HT đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty HT giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn Công ty NC giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ông Trần Thanh P là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty HT kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty NC yêu cầu: Chấm dứt ba hợp đồng may gia công số 07/2022GC/N.C-H.T ngày 03/01/2022; hợp đồng số 18/2022GC/N.C-H.T ngày 08/01/2022 và hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày 15/01/2022; Buộc Công ty HT bồi thường cho Công ty NC số tiền là 330.744.422 đồng, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Xét, các Hợp đồng số 07/2022GC/N.C-H.T ngày 03/01/2022, hợp đồng số 18/2022GC/N.C-H.T ngày 08/01/2022 và hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày 15/01/2022 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty NC và bị đơn Công ty HT là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên.

Xét, tại Điều VI của hợp đồng số 18/2022GC/N.C-H.T ngày 08/01/2022 và hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày 15/01/2022 các bên có thỏa T: Bên B (Công ty HT) có nhiệm vụ khắc phục, sữa chữa sao cho lô hàng đạt chất lượng để xuất khẩu và đảm bảo an toàn ngày giao hàng đã ký kết với bên A (Công ty NC). Nếu vì sự cố trên mà ngày xuất trễ so với hợp đồng đã ký, bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường chi phí phạt và chi phí vận chuyển máy bay, do hàng trễ (có chứng từ rõ ràng)…Nếu bên A giao nguyên phụ liệu trễ hơn so với hợp đồng thì ngày giao hàng sẽ được hai bên đàm phán lại và ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh ngày giao hàng trước khi sản xuất. Nếu không có bất kỳ văn bản thỏa T lại ngày giao hàng trước khi bên B tiến hành sản xuất thì ngày giao hàng trên hợp đồng ký kết ban đầu là cơ sở để hai bên thực hiện. Đối với nguyên phụ liệu khi giao nhận còn nguyên đai, nguyên kiện, trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận, nhà máy không phản hồi vải hư hoặc thiếu thì xem như đã đủ. Trường hợp thiếu hoặc hư phải báo cáo bằng văn bản có xác nhận của nhà máy và QC bên A.

Xét, quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, nguyên đơn Công ty NC đã giao nguyên phụ liệu cho bị đơn đầy đủ theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết và theo thông lệ giao nhận nguyên phụ liệu giữa hai bên. Phía bị đơn trình bày đối với mã hàng 9171755, mã hàng 26Z0149NYI và 26Z508JCXI do ngày bị đơn nhận nguyên phụ liệu trễ hơn ngày ghi trong hợp đồng nên bị đơn không thể hoàn thành giao sản phẩm đúng ngày ghi trong hợp đồng; đối với mã hàng 91713521, số lượng thực tế sản xuất là 3,250 áo, bị đơn xác định có giao trễ cho nguyên đơn so với hợp đồng là do nguyên đơn giao trễ nguyên phụ liệu và sản phẩm áo giao cho nguyên đơn có khác màu là do vải đầu vào nguyên đơn giao cho Công ty HT chứ không phải lỗi do Công ty HT. Tuy nhiên bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ là văn bản thỏa T lại của hai bên về điều chỉnh lại ngày giao hàng của hợp đồng cũng như văn bản có xác nhận của nhà máy và QC bên A về việc giao vải khác màu hoặc kém chất lượng. Đối chiếu với quy định tại Điều VI của các hợp đồng nêu trên, xét thấy lời trình bày của bị đơn không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tại tòa, bị đơn thừa nhận có việc giao chậm trễ hàng cho nguyên đơn, cụ thể: Đối với mã hàng 9171755, ngày giao hàng theo hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ký ngày 15/01/2022 là ngày 10/3/2022, ngày giao thực tế là ngày 12/4/2022; đối với các mã hàng 26Z0149NYI và 26Z508JCXI, ngày giao hàng theo hợp đồng 18/2022GC/N.C-H.T và 27/2022GC/N.C-H.T ký ngày 15/01/2022 là ngày 15/3/2022, ngày giao thực tế là ngày 20/4/2022; đối với mã hàng 91713521, ngày giao hàng theo hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ký ngày 15/01/2022 là ngày 30/3/2022, ngày giao thực tế là ngày 28/4/2022. Việc giao hàng chậm trễ như trên đã gây ra thiệt hại cho nguyên đơn vì phát sinh chi phí vé máy bay và tiền phạt chậm giao hàng hóa với đối tác nước ngoài. Ngoài ra, một số sản phẩm ở mã hàng bị lỗi như khác màu sắc, chưa ủi … làm cho phía nguyên đơn phải tiến hành tái chế ủi lại hàng hóa và bị khách hàng đối tác nước ngoài giảm giá đối với hàng hóa với mức giảm là 3,00 USD/1 sản phẩm. Căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Bộ tờ khai hải quan, Giấy xác nhận nợ của Design Collection, Thông tin chi tiết chuyển khoản ngày 06/7, Giấy báo có của Ngân hàng ngày 12/7/2022, Vận đơn và hóa đơn giá trị giá tăng của AK Cargo có cơ sở xác định thiệt hại mà nguyên đơn phải gánh chịu là những chi phí có thật do lỗi của bị đơn gây ra, cụ thể:

- Mã hàng 9171755 bị khách hàng đối tác phạt số tiền là 5.306,70 USD, tương đương 123.274.641 VNĐ (theo tỷ giá chuyển khoản ngân hàng ngoại thương Việt Nam ngày 06/7/2022- 23.230 VNĐ/USD).

- Các mã hàng 26Z0149NYI và 26Z508JCXI, cước phí xuất máy bay lô hàng này là 165.267.540 đồng theo hoá đơn số 99 ngày 25/4/2022 của công ty AK CARGO.

- Mã hàng 91713521, số lượng hàng không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu là 1392/3.250 sản phẩm, bị đối tác giảm giá là 3,00 USD/sản phẩm cho số lượng áo khác màu, đồng thời Công ty NC phải trả cước phí máy bay cho số lượng hàng 1.392 sản phẩm này. Ngoài ra, do ngày giao hàng quá trễ, mức phạt do hàng giao trễ là 2,00 USD/sản phẩm cho toàn bộ đơn hàng. Thiệt hại của mã hàng 91713521 có các phát sinh sau: Giảm giá do hàng khác màu: 1.392 x 3,00 USD = 4.176 USD; Phạt giao hàng trễ hạn: 3.250 x 2,00 USD = 6.500 USD; Chi phí giao hàng bằng máy bay, trọng lượng cả bì cho số 1.392 áo là 525,30 kg, cước phí là 6,90 USD/kg: 525,30 x 6,90 = 3.624,57 USD. Tổng cộng là 14.300,57 USD tương đương 332.202.241 VNĐ (theo tỷ giá chuyển khoản ngân hàng ngoại thương Việt Nam ngày 06/7/2022- 23.230 VNĐ/USD).

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền thiệt hại đối với các mã hàng nêu trên là: 620.744.422 (Sáu trăm hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm hai mươi hai) đồng là phù hợp với quy định tại Điều 302, 303 của Luật Thương mại năm 2005 nên có căn cứ để chấp nhận. Nguyên đơn tự nguyện cấn trừ số tiền nguyên đơn chưa thanh toán cho bị đơn là 290.000.000 đồng (số tiền này đã được hai bên thống nhất và bị đơn không có yêu cầu phản tố) nên được chấp nhận. Do đó, số tiền thực tế bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn là 620.744.422 đồng – 290.000.000 đồng = 330.744.422 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty HT phải chịu án phí phúc thẩm.

Đối với phần quyết định lãi, lãi suất trong bản án sơ thẩm đã tuyên "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty NC cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty HT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015" tại bản án sơ thẩm là chưa phù hợp theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 302 và 303 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty HT. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty NC: Chấm dứt các hợp đồng gia công số 07/2022GC/N.C-H.T ngày 03/01/2022, hợp đồng số 18/2022GC/N.C-H.T ngày 08/01/2022 và hợp đồng số 27/2022GC/N.C-H.T ngày 15/01/2022 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty NC với bị đơn Công ty HT. Công ty HT phải bồi thường cho Công ty NC số tiền là 330.744.422 (*Ba trăm ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi hai)* đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty NC cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Công ty HT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Công ty NC về bồi thường thiệt hại do sụt giảm doanh số đối với số tiền 500.000.000 đồng.

3. Về án phí:

a. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty HT phải chịu 16.537.221 (*Mười sáu triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi mốt)* đồng.

Hoàn lại cho Công ty NC số tiền 18.755.769 (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi chín*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0023794 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty HT phải chịu là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số 0004972 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty HT đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND Q.12;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS Q.12;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hường

2022KTPT30977
1 000113 504210
14.02.2023 15:56
Công ty TNHH New Connectio